**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VÕ NHAI**
**TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 13/01/2021
V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VÕ NHAI, TỈNH THÁI NGUYÊN**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có**:

**- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**: Ông Hoàng Kim Tuấn.

**- Các Hội thẩm nhân dân**:

1. Ông Nông Viết Lâm.

2. Ông Nguyễn Thành Nhật.

T**hư ký phiên tòa**: Ông Trịnh Văn Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên .

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa**: Ông Hoàng Văn Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2021, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 145/TLST-HNGĐ ngày 29/10/2020 về việc "Ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị H1 - Sinh năm 1998.

Địa chỉ: Xóm Làng 10, xã DT, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

Dân tộc: Dao; Văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Tự do. *(Có mặt)*

***Bị đơn:** Anh Hà Trung SN – Sinh năm 1989.

Địa chỉ: Xóm DD, xã TX, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

Dân tộc: Nùng; Văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Lái xe. *(Có mặt)*

***Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:** Ông Đào Anh TN – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Thái Nguyên. *(Có mặt)*

## NỘI DUNG VỤ ÁN

***Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H1 trình bày:***

Chị khởi kiện anh Hà Trung SN - Địa chỉ: Xóm DD, xã TX, V, Thái Nguyên khởi kiện lý do xin ly hôn.

Chị và anh SN lấy nhau và đăng ký kết hôn với nhau năm 2014 tại UBND xã TX, huyện V, Thái Nguyên. Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là cháu Hà Ngọc Lâm – Sinh ngày 15/9/2014 và cháu Hà Anh Khoa – Sinh ngày 02/12/2017. Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh chị không có nợ chung.

Về nguyên nhân xin ly hôn: Do hai vợ chồng không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm sống, cãi chửi nhau, nhiều lần anh SN đánh chị, anh chị đã sống

ly thân được từ tháng 06 năm 2018 đến nay, xét tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin ly hôn anh SN. Nay chị yêu cầu Tòa án cho ly hôn anh SN.

Về con chung: Chị có nguyện vọng được nuôi 01 cháu cụ thể là cháu Hà Anh F2 – Sinh ngày 02/12/2017. Được nuôi con chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Bị đơn anh Hà Trung SN trình bày:*** Anh bị chị Nguyễn Thị H1 - Địa chỉ: Xóm Làng 10, xã DT, V, Thái Nguyên khởi kiện lý do xin ly hôn.

Anh và chị H1 lấy nhau và đăng ký kết hôn với nhau năm 2014 tại UBND xã TX, huyện V, Thái Nguyên. Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là cháu Hà Ngọc F1 – Sinh ngày 15/9/2014 và cháu Hà Anh F2 – Sinh ngày 02/12/2017.

Về tài sản chung: Anh và chị H1 không có tài sản chung.

Về nợ chung: Anh chị không có nợ chung.

Về nguyên nhân xin ly hôn: Do hai vợ chồng không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm sống, anh chị đã sống ly thân được từ tháng 06 năm 2018 đến nay, xét tình cảm vợ chồng không còn nên chị H1 xin ly hôn anh.

Nay chị H1 yêu cầu ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Anh có nguyện vọng được nuôi 02 cháu Hà Ngọc F1 – Sinh ngày 15/9/2014 và cháu Hà Anh F2 – Sinh ngày 02/12/2017. Được nuôi con anh không yêu cầu chị H1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết vì anh chị không có tài sản chung.

**** Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Đào Anh Tuấn trình bày:*** Chị H1 và anh SN lấy nhau và đăng ký kết hôn với nhau năm 2014 tại UBND xã TX, huyện V, Thái Nguyên, anh chị có 02 con chung là cháu Hà Ngọc F1 – Sinh ngày 15/9/2014 và cháu Hà Anh F2 – Sinh ngày 02/12/2017. Cuộc sống vợ chồng nhiều mâu thuẫn, anh chị đã sống ly thân được từ tháng 06 năm 2018 đến nay, tại phiên tòa anh SN, chị H1 thống nhất ly hôn. Do đó, người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị công nhận thuận tình ly hôn giữa anh SN và chị H1. Về con chung: Giao cháu Hà Anh F1 – Sinh ngày 02/12/2017 cho chị H1 trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Hà Ngọc F2 – Sinh ngày 15/9/2014 cho anh SN trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu và xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Võ Nhai phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi Toà án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án là đúng quy định của pháp luật; đối với các đương sự đã chấp hành đúng quyền, nghĩa vụ của mình trong vụ án dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, cụ thể:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H1, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh Hà Trung SN.

- Về quan hệ vợ chồng: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H1 và anh Hà Trung SN.

- Về con chung: Giao cháu Hà Ngọc F1 – Sinh ngày 15/9/2014 cho anh Hà Trung SN trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục.

Giao cháu Hà Anh F2 – Sinh ngày 02/12/2017 cho chị Nguyễn Thị H1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng cho anh Hà Trung SN và chị Nguyễn Thị H1 vì hai bên không yêu cầu. Hai bên có quyền đi lại thăm con chung.

-Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết vì đương sự không yêu cầu.

-Về án phí: Chị H1 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật giải quyết: Đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc Ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H1 và anh Hà Trung SN.

[2] Về tư cách chủ thể: Chị Nguyễn Thị H1 khởi kiện xin ly hôn anh Hà Trung SN nên chị Nguyễn Thị H1 là nguyên đơn, anh Hà Trung SN là bị đơn trong vụ án.

[3] Về yêu cầu xin ly hôn của chị H1: Cuộc hôn nhân giữa chị H1 và anh SN là hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp. Bởi lẽ, anh SN và chị H1 lấy nhau có được tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã TX, huyện V, tỉnh Thái Nguyên. Về nguyên nhân ly hôn: Do hai vợ chồng không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm sống, cãi chửi nhau, nhiều lần anh SN đánh chị, anh chị đã sống ly thân được từ tháng 06 năm 2018 đến nay. Nay chị yêu cầu Tòa án cho ly hôn anh SN. Theo anh SN do hai vợ chồng không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm sống, anh chị đã sống ly thân được từ tháng 06 năm 2018 đến nay, xét tình cảm vợ chồng không còn nên chị H1 xin ly hôn anh.

Căn cứ kết quả xác minh của TAND huyện V tại địa phương xác định quá trình chung sống chị H1 và anh SN có xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay. Xét cuộc hôn nhân giữa chị H1 và anh SN đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hai bên được sự đều thỏa thuận nhất trí ly hôn. Thỏa thuận này không trái quy định của pháp luật và đạo đức xã hội nên cần công nhận.

[4] Về con chung: Anh SN và chị H1 có 02 con chung là cháu Hà Ngọc Lâm – Sinh ngày 15/9/2014 và cháu Hà Anh Khoa – Sinh ngày 02/12/2017.

Đối với con chung hai bên đương sự đều có nguyện vọng nuôi con, chị H1 có nguyện vọng nuôi 01 cháu cụ thể là cháu Hà Anh Khoa – Sinh ngày 02/12/2017, anh SN có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả 02 cháu. Xét điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục của hai bên đều như nhau.

Do vậy, cần giao cháu Hà Ngọc Lâm – Sinh ngày 15/9/2014 cho anh Hà Trung SN trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục và giao cháu Hà Anh Khoa – Sinh ngày 02/12/2017 cho chị Nguyễn Thị H1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục.

Về việc cấp dưỡng: Tạm hoãn việc cấp dưỡng cho anh Hà Trung SN và chị Nguyễn Thị H1 vì hai bên không yêu cầu.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết vì đương sự không kê khai và không yêu cầu.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, chị Nguyễn Thị H1 phải chịu 300.000 đồng án phí theo quy định.

[7] Xét ý kiến đề nghị của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và ý kiến về việc giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tại phiên tòa là phù hợp.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28; 35; 39; 147 và 235 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

**Tuyên xử:**

**1. Về quan hệ vợ chồng**: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H1 và anh Hà Trung SN.

**2. Về con chung:** Giao cháu Hà Ngọc F1 – Sinh ngày 15/9/2014 cho anh Hà Trung SN trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục.Tạm hoãn việc cấp dưỡng cho chị Nguyễn Thị H1 vì anh SN không yêu cầu.

Giao cháu Hà Anh F2 – Sinh ngày 02/12/2017 cho chị Nguyễn Thị H1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Tạm hoãn việc cấp dưỡng cho anh Hà Trung SN vì chị H1 không yêu cầu.

Anh SN và chị H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Anh SN cũng như các thành viên trong gia đình không được cản trở chị H1 thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu F1.

Chị Hanh cũng như các thành viên trong gia đình không được cản trở anh SN thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu F2 .

**3, Về tài sản chung và nợ chung:** Không xem xét giải quyết.

**4, Về án phí:** Chị Nguyễn Thị H1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị H1 đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V theo biên lai số 0007764 ngày 29 tháng 10 năm 2020.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và điều 9 luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.*

Án xử công khai có mặt các đương sự. Báo cho biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện V;
- UBND xã TX;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Hoàng Kim Tuấn**